

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2021/DS-ST
Ngày 26-4-2021
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại do
sức khỏe bị xâm phạm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Sơn Hùng.

Ông Lê Trung Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 48/2021/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Quang D, sinh năm: 2000; địa chỉ cư trú: Tổ 03, ấp Mỹ Thành, xã MĐ, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn luật sư Phan Văn Bé – Văn phòng luật sư Châu Đốc thuộc đoàn luật sư tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm: 1995; địa chỉ cư trú: Tổ 03, ấp Mỹ Thành, xã MĐ, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

NHẬN THẤY:

Tại đơn khởi kiện, các lần hòa giải ông Lê Quang D trình bày:

Nguyên vào ngày 01 tháng 02 năm 2020 ông Nguyễn Hồng T có thuê ông Lê Quang D đi theo ghe đục chớ cá tra, theo thỏa thuận ông T trả cho ông D mỗi tháng 6.000.000 đồng, công việc của ông D là bắt cá từ ao đưa xuống ghe và

ngược lại đưa từ ghe lên bờ. Sau khi thỏa thuận xong chiều ngày 01 tháng 02 năm 2020 ông T kêu ông D lên ghe đi từ ấp Mỹ Thành, xã MĐ đến đoạn sông thuộc ấp Vĩnh An, xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú để lấy cá, rồi nghỉ lại sáng đi bắt cá.

Đến sáng ngày 02/02/2020 ông T kêu ông D và một số người anh em lao động chung chuẩn bị đi bắt cá, khi xuống ghe thì ghe không nổ máy, nên ông T kêu chiếc ghe khác đến kéo ghe của ông T đi, khi chiếc ghe khác đến thì ông T kêu ông D lấy sợi dây luộc đang cột trước mũi ghe ném qua chiếc ghe kia, có người đứng sẵn chụp lấy sợi dây, lúc này bấp chân phải ông D đang vướng sợi dây, ông D đang cố tháo ra thì ông T kêu cho ghe chạy, ngay lúc này chiếc ghe kia nổ máy chạy kéo đứt ngang chân phải ông D, sự việc xảy ra ông D được đưa đến bệnh viện đa khoa khu vực Châu Đốc cấp cứu, còn chân ông D rớt xuống sông bị trôi mất.

Trong thời gian điều trị ông T có đưa ông D 15.000.000 đồng để điều trị, vì vậy ông D cũng không làm đơn yêu cầu xử lý hình sự. Khi ông D về ông T có đề nghị ông D nhận thêm 27.000.000 đồng. Ông D không thống nhất bởi cái chân ông D bị cụt không còn khả năng lao động. Sự việc xảy ra các đương sự không nhờ công an lập biên bản sự việc.

Nay ông D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T bồi thường các khoản sau:

- Chi phí điều trị là 25.000.000 đồng.
 - Tiền mất thu nhập mỗi tháng 6.000.000 đồng x 24 tháng = 144.000.000 đồng.
 - Tổn thất tinh thần 30 tháng lương tối thiểu 44.700.000 đồng.
 - Làm chân giả 75.000.000 đồng
- Tổng cộng là 288.700.000 đồng.

Ông D xác định yêu cầu ông T bồi thường thiệt hại vì ông T thuê ông, kêu ông đi làm nên ông chỉ biết ông T, không biết ông chủ ghe.

Bị đơn Nguyễn Hồng T trình bày: ông là người làm thuê cho chủ ghe đánh bắt cá tên Nguyễn Hoàng Thanh (không biết năm sinh địa chỉ), do ghe thiếu người nên ông D có hỏi ghe cần người thì ông D đi làm thuê chung, người trả lương là ông chủ với giá 6.000.000 đồng/tháng, nhưng mới làm ngày đầu tiên là tai nạn xảy ra. Ông T đồng ý bồi thường viện phí là 15.000.000 đồng, số tiền này đã bồi thường xong. Ông đồng ý bồi thường thêm chi phí làm chân giả, mất thu nhập và tổn thất tinh thần là 37.000.000 đồng

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là buộc bị đơn phải bồi thường tổng số tiền 288.700.000 đồng.

Bị đơn đồng ý bồi thường hỗ trợ chi phí làm chân giả, mất thu nhập và tổn thất tinh thần là 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, do điều kiện khó khăn nên xin hỗ

trợ trước 37.000.000 đồng, còn số tiền 13.000.000 đồng xin trả dần mỗi tháng cho đến khi đủ 13.000.000 đồng. Nguyên đơn thống nhất với đề nghị của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 48, 49, 51, 70, 71, 72, 75, 76 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội Dng: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn bồi thường hỗ trợ cho nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng, trong đó trả trước 37.000.000 đồng, còn 13.000.000 đồng trả dần mỗi tháng cho đến khi đủ 13.000.000 đồng. Dành cho nguyên đơn ông D khởi kiện thành vụ kiện khác đối với chủ ghe Nguyễn Hoàng Thanh theo quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết án phí theo quy định pháp luật.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: đơn xác nhận, các hóa đơn tiền thuốc....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thu thập chứng cứ: Tòa án ban hành thông báo yêu cầu nguyên đơn, bị đơn cung cấp tên, năm sinh, địa chỉ của chủ ghe để Tòa án đưa chủ ghe vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng các đương sự không cung cấp. Tại phiên tòa ngày 26/3/2021 nguyên đơn đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ về tên, tuổi, địa chỉ của ông Nguyễn Hoàng Thanh - chủ ghe. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án không yêu cầu đưa ông Nguyễn Hoàng Thanh vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, Tòa án vẫn tiếp tục giải quyết vụ án và dành quyền khởi kiện thành vụ kiện khác cho ông D đối với ông Nguyễn Hoàng Thanh.

[2] Về nội Dng vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định: Theo lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, thể hiện do ông D không có việc làm nên mới gợi ý với ông T nào có việc gì kêu ông D cùng

làm. Lúc này, ông T cho biết ghe cá của ông T đang thiếu người và kêu ông D đi làm chung, mức lương ông chủ ghe trả là 6.000.000 đồng/tháng, nhưng ông D mới đi làm ngày đầu tiên thì ghe của ông T không nổ máy nên mới nhờ ghe khác kéo ghe ông T đi, khi ông D ném sợi dây luộc qua phía ghe kia thì bắt chân ông D bị cuốn vào sợi dây, ông D đang cố tháo ra thì ông T kêu ghe chạy, ngay tức khắc sợi dây cắt đứt chân của ông D.

Ông D xác định ông T là người thuê ông, ông T thì cho rằng người thuê là ông chủ ghe, ông chủ ghe trả lương, ông cũng là người làm thuê được ông chủ trả lương mỗi tháng 6.000.000 đồng.

Căn cứ Điều 600 Bộ luật Dân sự quy định về bồi thường thiệt hại do người làm công, người học nghề gây ra: “Cá nhân, pháp nhân phải bồi thường thiệt hại do người làm công, người học nghề gây ra trong khi thực hiện công việc được giao và có quyền yêu cầu người làm công, người học nghề có lỗi trong việc gây thiệt hại phải hoàn trả một khoản tiền theo quy định của pháp luật”. Vậy Điều luật này quy định cá nhân, pháp nhân phải bồi thường thiệt hại do người làm công, người học nghề gây ra trong khi thực hiện công việc được giao. Trong vụ án này ông T là người làm công đang thực hiện nhiệm vụ được ông chủ giao cho chiếc ghe chở, bắt cá, các đương sự đã không vận hành máy, móc thiết bị đúng nguyên tắc, nên đã dẫn đến hậu quả là ông D cụt chân phải. Do đó, khi có thiệt hại xảy ra thì người sử dụng lao động phải chịu trách nhiệm bồi thường.

Đồng thời, chiếc ghe là nguồn nguy hiểm cao độ, chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ của mình gây ra; nếu chủ sở hữu đã giao cho người khác chiếm hữu, thì người này phải chịu trách nhiệm bồi thường, được quy định tại Điều 601 Bộ luật Dân sự: “Khoản 2. Chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra; nếu chủ sở hữu đã giao cho người khác chiếm hữu, thì người này phải bồi thường, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngay cả khi không trực tiếp chiếm hữu, sử dụng tài sản. Đó là các trường hợp chủ sở hữu giao cho người khác chiếm hữu, sử dụng để phục vụ cho lợi ích của chính mình. (Chỉ những người được giao nguồn nguy hiểm cao thông qua một giao dịch như cho thuê, cho mượn... mới phải chịu trách nhiệm do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra). Trường hợp này ông T chỉ là người làm thuê cho chủ ghe, vụ việc này cũng được ông D thừa nhận tại phiên tòa, ông D cho rằng ông chủ ghe có liên hệ với ông D bồi thường, nhưng bồi thường mà ghi âm, ghi hình nên ông không chấp nhận. Do đó, ông T không phải chịu trách nhiệm bồi thường mà người phải chịu trách nhiệm bồi thường phải là chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ (chủ ghe).

Từ cơ sở nhận định trên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông D yêu cầu bị đơn ông T bồi thường thiệt hại số tiền 288.700.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Hồng T tự nguyện hỗ trợ bồi thường cho ông D số tiền 50.000.000 đồng, trong đó giao trước 37.000.000 đồng, còn lại 13.000.000 đồng sẽ trả dần hàng tháng đến khi đủ. Ông

D đồng ý nhận số tiền này. Xét thấy, sự tự nguyện thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, có lợi cho nguyên đơn, chia sẻ một phần thiệt hại mà nguyên đơn phải gánh chịu, nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại thuộc trường hợp được miễn án phí, ông D có đơn xin miễn án phí nên ông D được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 600, Điều 601 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Dành cho ông Nguyễn Quang D quyền khởi kiện thành vụ kiện khác đối với chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ, người sử dụng lao động (chủ ghe) là ông Nguyễn Hoàng Thanh.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Quang D đối với bị đơn Nguyễn Hồng T, về việc đòi ông Nguyễn Hồng T bồi thường thiệt hại số tiền 288.700.000 đồng.

3. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Hồng T về việc hỗ trợ bồi thường cho ông Lê Quang D số tiền 50.000.000 đồng, trong đó đưa trước 37.000.000 đồng, còn 13.000.000 đồng trả dần hàng tháng cho đến khi đủ 13.000.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Quang D được miễn toàn bộ án phí.

Ông Nguyễn Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Bờ Mai Minh Chánh

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

C, ngày 26 tháng 01 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội Dng:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bán án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi